

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Q có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền mua bán tài sản 205.748.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: Anh Q chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thanh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] *Về nội dung*: Bà Thương yêu C anh Q có nghĩa vụ trả số tiền mua bán tài sản 205.748.000 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét thấy, anh Q có mua thức ăn, thuốc thủy sản của bà T nhiều năm. Đến ngày 20/11/2022, hai bên có lập giấy ký nhận nợ thể hiện anh Q có nợ bà T số tiền 205.748.000 đồng nhưng đến nay không thực hiện trả tiền cho bà T. Anh Q vắng mặt không lý do và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Việc anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Do đó, bà T yêu cầu anh Q trả số tiền nợ 205.748.000 là có căn cứ.

Về thời gian trả nợ: Bà Thương yêu C anh Q trả ngay khi án có hiệu lực. Do anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nên yêu cầu trả tiền trả ngay khi án có hiệu lực của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Anh Q có nghĩa vụ trả tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc anh Trần Thanh Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 205.748.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Anh Q có nghĩa vụ nộp 10.287.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự; có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 36 Luật thi hành án dân sự hoặc bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 72 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh